

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính Quý I năm 2021**

Thực hiện hướng dẫn báo cáo công tác cải cách hành chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình cải cách hành chính quý I năm 2021 như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Về kế hoạch cải cách hành chính (CCHC)**

Sở đã ban hành các Kế hoạch về cải cách hành chính để chủ động triển khai thực hiện cụ thể sau:

- Kế hoạch số 4308/KH-SKHĐT ngày 30/12/2020 về CCHC năm 2021;
- Kế hoạch số 184/KH-SKHĐT ngày 20/01/2021 về kiểm soát TTHC năm 2021;
- Kế hoạch số 4224/KH-SKHĐT ngày 24/12/2020 về tuyên truyền CCHC năm 2021;

- Kế hoạch số 216/KH-SKHĐT ngày 21/01/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2021;

- Kế hoạch số 180/KH-SKHĐT ngày 20/01/2021 về Kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo trong năm 2021 tại các Phòng chuyên môn và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp.

**2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC**

- Đầu năm 2021, Sở đã ban hành các Kế hoạch về công tác CCHC năm 2021, trong đó phân công nhiệm vụ từng CBCNV, từng Phòng chuyên môn, Trung tâm XTĐT về thời gian cụ thể giải quyết từng nội dung công việc cụ thể.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thường xuyên quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện việc đẩy mạnh công tác CCHC trong hoạt động của cơ quan như: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm, chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, nội quy, quy chế, quy định của cơ quan; rà soát, kiện toàn nhân sự hoạt động của bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công; thực hiện niêm yết công khai minh bạch các danh mục TTHC, cập nhật đầy đủ các danh mục TTHC trên Trang thông tin thủ tục hành chính của tỉnh; trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác tham mưu.

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của Sở, trong công tác CCHC và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ... Tích cực triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Phần mềm Quản lý Nhân sự tỉnh; 100% cán bộ công chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ để trao đổi công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước; Trang Thông tin mời thầu của tỉnh; Trang Thông tin điều hành tác nghiệp; Trang Thông tin điện tử của Sở; Phần mềm quản lý dự án đầu tư ...

**3. Về kiểm tra CCHC**

Trong năm 2021, trong đó xác định mục tiêu cụ thể như sau:

- Đánh giá khách quan, toàn diện về triển khai các Kế hoạch CCHC, kiểm soát TTHC, ISO trong năm 2021, kết quả thực hiện công tác CCHC, kiểm soát TTHC, ISO và YKCĐ tại các Phòng, Trung tâm XTĐT thuộc Sở. Việc triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh về công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách TTHC trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư; từ đó có biện pháp chỉ đạo sát hơn nhằm đẩy mạnh CCHC, kiểm soát TTHC, ISO, YKCĐ của UBND tỉnh trong thời gian tiếp theo.

- Kiểm tra đánh giá đúng thực trạng tình hình công tác CCHC của các Phòng chuyên môn thuộc Sở về công tác triển khai thực hiện, giải quyết hồ sơ một cửa, một cửa liên thông. Qua đợt kiểm tra phát hiện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để xác định nguyên nhân, đề xuất các giải pháp tháo gỡ, khắc phục hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC của cơ quan.

- Thông qua công tác kiểm tra để có cơ sở xem xét, đánh giá và bình xét danh hiệu thi đua cuối năm 2021 đối với cán bộ, công chức và các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC, ISO, YKCĐ.

#### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

- Tuyên truyền về các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC và kiểm soát TTHC

- Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho công chức, viên chức; tuyên truyền, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp.

- Tuyên truyền việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, một cửa điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong mối quan hệ với cơ quan hành chính nhà nước; trách nhiệm của cán bộ công chức trong giải quyết công việc của người dân.

- Công khai, tuyên truyền và đưa trên Trang thông tin điện tử các danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của Sở, danh mục TTHC liên thông với UBND tỉnh; danh mục TTHC đưa vào tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của Tỉnh.

- Đã ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2021 nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức trong việc CCHC; công bố, công khai việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC tại cơ quan; nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ của cơ quan.

- Đã tuyên truyền về CCHC chủ yếu thông qua các cuộc họp cơ quan, đưa tin nội bộ, đưa tin Trang thông tin điện tử của cơ quan, sao chụp...; Đã cập nhật các văn bản của Trung ương và của Tỉnh về công tác CCHC.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Đã rà soát 02 văn bản QPPL, hiện đang lấy ý kiến các ngành để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, tính khả thi của văn bản QPPL và đúng tiến độ, thời gian. Cụ thể:

+ Điều chỉnh Quyết định 52/QĐ-UBND về phân công, phân quản lý đầu tư xây dựng

+ Ban hành trình tự thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

- Nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL theo chức năng nhiệm vụ được giao, phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Kịp thời phát hiện và xử lý những văn bản có nội dung không đúng quy định của pháp luật, thiếu đồng bộ, không phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở:

+ Tiến hành thanh tra công vụ phòng ĐKKD trong việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp năm 2020;

+ Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định và Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Chỉ thị của UBND tỉnh về việc đầu tư công năm 2021.

- Kiểm tra Dự án Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới giai đoạn năm 2019-2020 trên địa bàn thị xã Hương Trà.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### *2.1. Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định*

- Đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác cải cách TTHC năm 2021; Thực hiện công tác kiểm soát TTHC theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh, mục đích nâng cao nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng công tác kiểm soát TTHC, tập trung chỉ đạo việc công bố những TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ; niêm yết công khai đầy đủ các TTHC trên Trang TTHC và đồng bộ hóa Trang Dịch vụ công của tỉnh, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi các quy trình điện tử; quy trình nội bộ.

### *2.2 Hoạt động kiểm soát TTHC :*

- Chỉ đạo triển khai tốt công tác tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân và tổ chức đối với việc giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo quy định của Chính phủ.

- Đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2021, kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định; cập nhật các văn bản QPPL mới có liên quan đến TTHC của Sở, tiến hành rà soát các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư...,

### *2.3. Công khai thủ tục hành chính*

- Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai nội dung, biểu mẫu, tờ khai, phí, lệ phí của các TTHC tại Trang Thông tin điện tử của Sở, Trang TTHC của Tỉnh, Trang Dịch vụ công của tỉnh và Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp biết, theo dõi và thực hiện.

- Nâng cao chất lượng thực hiện giải quyết TTHC cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực cán bộ theo phương châm “Thân thiện, đơn giản, đúng hẹn”, đảm bảo các

quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

#### *2.4. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa:*

- Đã xây dựng quy trình, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi việc tiếp nhận, giải quyết và giao trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa.

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh trong việc tiếp nhận giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp trễ hẹn trong giải quyết TTHC; đồng thời xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, gây phiền hà cho người dân và tổ chức.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

#### *3.1. Về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở:*

- Hoạt động quản lý và sử dụng biên chế của Sở, sau khi được UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu biên chế, căn cứ nhu cầu thực tế, Sở đã phân bổ chỉ tiêu biên chế, lập kế hoạch thực hiện công tác tuyển dụng, đảm bảo đúng quy trình.

- Thực hiện công tác cán bộ, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng...

- Tham gia góp ý về dự thảo Thông tư của Bộ KHĐT về hướng dẫn vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành và biên chế công chức ngành Kế hoạch, đầu tư và Thống kê.

#### *3.2. Về thực hiện phân cấp quản lý*

Thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### *3.3. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

- Đã công khai danh mục TTHC, hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả trên Trang Thông tin điện tử của Sở, Trang TTHC của Tỉnh và Dịch vụ công của tỉnh.

- Đã kiện toàn cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

### **4. Cải cách chế độ công vụ :**

- Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ năng lực thi hành công vụ; sử dụng biên chế theo đúng quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức.

- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng trang bị kiến thức về công tác cán bộ cho lãnh đạo, quản lý; bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ mọi mặt, bồi dưỡng toàn diện về kỹ năng, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ công chức, viên chức.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính theo quy định của UBND tỉnh; thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ nhằm từng bước nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính ở các cơ quan.

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ, cán bộ công chức đã thấy được quyền lợi và trách nhiệm, từ đó có ý thức được trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được

giao, trách nhiệm trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sử dụng hiệu quả tài sản Nhà nước.

- Thực hiện công khai báo cáo tài chính năm 2020 tại Hội nghị công chức viên chức năm 2021.

- Thực hiện tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí hoạt động năm 2021.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Nâng cấp hệ thống mạng, đường truyền về trung tâm dữ liệu; đảm bảo đủ năng lực vận hành các hệ thống thông tin quan trọng của chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh.

- Trang Thông tin điện tử của Sở cung cấp đầy đủ, nâng cấp các máy tính đều được kết nối mạng WAN, mạng LAN và Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của Sở được xây dựng và duy trì áp dụng. Đã có Quyết định về công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trên Trang TTĐT của Sở; Rà soát quy trình ISO điện tử đối với các danh mục TTHC trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cơ quan.

## **II. Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tới:**

- Tiếp tục rà soát văn bản QPPL thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc các phòng chuyên môn về tình hình triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo và hồ sơ một cửa.

- Rà soát bổ sung, điều chỉnh... quy trình điện tử, quy trình nội bộ của Sở.

- Triển khai Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của Sở.

- Triển khai các Kế hoạch kiểm soát TTHC; tuyên truyền CCHC; rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 và Kế hoạch về Kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo trong năm 2021 tại các Phòng chuyên môn và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp

- Triển khai Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

- Tiếp tục rà soát tham mưu UBND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Rà soát, cập nhật các danh mục TTHC trên Trang TTHC của tỉnh.

- Triển khai một số nhiệm vụ khác.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính quý I năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới./.

### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (B/C);

- Lưu: VT, VP

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Việt Trung**

**PHỤ LỤC BÁO CÁO QUÝ I/2021**  
**(Ban hành kèm theo Báo cáo số 712/BC-SKHĐT ngày 12/03/2021**  
**của Sở Kế hoạch và Đầu tư)**

**Phụ lục 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH**

TT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ trong kế hoạch	Số nhiệm vụ hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch CCHC năm	30/12/2020	32	7	
2	Kế hoạch kiểm tra CCHC năm	20/01/2021	05	0	Kiểm tra 04 phòng chuyên môn và Trung tâm
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	24/12/2020	12	2	
4	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	21/01/2021	02	0	
5	Kế hoạch kiểm soát TTHC	20/01/2021	31	6	
6	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.	Đã cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo Cao cấp Lý luận chính trị tại Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh			

**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC**

TT	Tiêu chí	Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	UBND cấp huyện	UBND cấp xã	Ghi chú
1	Số cơ quan (phòng thuộc sở, ban ngành) trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt.	05			05 phòng
2	Số cơ quan (phòng trực thuộc Sở) được kiểm tra về CCHC	05			05 phòng
3	Số cơ quan (phòng trực thuộc) công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	01			Cơ quan
4	Số cơ quan (phòng trực thuộc) chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	05			05 phòng
5	Số cơ quan (phòng trực thuộc) được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động.	10			9 Phòng, 1 Trung tâm
6	Số cơ quan (phòng trực thuộc) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	10			9 Phòng, 1 Trung tâm
7	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	01			Trung tâm
8	Số cơ quan thực hiện đúng cơ cấu công chức được	01			Sở KHĐT

	phê duyệt				
9	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	01			Trung tâm
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức.	02			Sở và Trung tâm
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	02			Sở KHĐT và Trung tâm
12	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ 130	01			Sở
13	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ 130	01			Sở
14	Số cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	01			Sở
15	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo NĐ 43	01			Trung tâm
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	01			Trung tâm
17	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	01			Trung tâm
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115				
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ				
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc cơ quan, đơn vị ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động				
21	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) triển khai ứng dụng phần mềm dùng chung	2			Sở và Trung tâm
22	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) triển khai các phần mềm ứng dụng cơ bản	2			Sở và Trung tâm
23	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	2			Sở và Trung tâm
24	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	2			Sở và Trung tâm
25	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) và cấp xã được cấp chứng chỉ ISO				
26	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) và cấp xã thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động				
27	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) và cấp xã có giải quyết công				

	việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông				
28	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1			Sở
29	Số xã, phường, thị trấn triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.	0			
30	Số cơ quan (đơn vị trực thuộc) đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	1			
31	Số xã, phường, thị trấn đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	0			

**Phụ lục 3**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

Nội dung	Năm	
	Năm trước	Năm báo cáo
1. Số phòng, ban, chi cục thuộc sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương	10	10
2. Số đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương	01	01
3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc sở, ban, ngành, cơ quan TW		
4. Số phòng chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố		
5. Số đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, thị xã, thành phố		

**Phụ lục 4**  
**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (So với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	UBND cấp huyện	UBND cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang Thông tin điện tử của đơn vị.	163	163			100%	
2	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa	163	163			100%	
3	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	55	55			33,74%	Liên thông UBND tỉnh và Sở chuyên ngành

**Phụ lục 5**  
**CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC**

TT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/đã thực hiện	Tỷ lệ% so với tổng số	Ghi chú
----	----------	---------	-----------------------	-----------------------	---------



1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	4	0	0	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	0	0	0	Chưa có phản ánh
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động ở cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	4	0	0	Chưa kiểm tra
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát VB QPPL tại đơn vị	2	0	0	Đã có 02 văn bản QPPL lấy ý kiến và gửi Sở Tư pháp thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VB QPPL tại đơn vị	2	0	0	Thay thế 02 văn bản QPPL theo văn bản của Trung ương (Luật, Nghị định).
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở đơn vị				
7	Số VB QPPL được triển khai thực hiện tại đơn vị	45	45	100%	Còn hiệu lực
8	Số VB QPPL thực hiện tại đơn vị được kiểm tra	45	45	100%	Còn hiệu lực
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VB QPPL tại đơn vị	2	0		Thay thế 02 văn bản QPPL theo văn bản của Trung ương (Luật, Nghị định).

**Phụ lục 6**  
**SỐ LƯỢNG VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ**

Nội dung	Năm	Năm trước	Năm báo cáo				Tổng
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1. Số lượng VB QPPL đã ban hành		<b>08</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2. Số lượng VB QPPL đã được rà soát		<b>45</b>	0	0	0	0	0
- Kết quả:		02	0	0	0	0	0
+ Tự bãi bỏ		0	0	0	0	0	0
+ Tự sửa đổi		02	0	0	0	0	0
+ Đề nghị cấp trên sửa đổi hoặc bãi bỏ		0	0	0	0	0	0
3. Số lượng TTHC qua rà soát		163	0	0	0	0	0
- Kết quả:		0	0	0	0	0	0
+ Tự bãi bỏ							
+ Tự sửa đổi							
+ Đề nghị cấp trên sửa đổi hoặc bãi bỏ							

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**